



**Phụ lục 1**

**DANH MỤC LẬP QUY HOẠCH CHUNG ĐÔ THỊ, QUY HOẠCH CHUNG XÃ, QUY HOẠCH PHÂN KHU NĂM 2025**

(kèm theo Kế hoạch số 17.1.../KH-UBND ngày 14.. tháng 11 năm 2025)

| STT | Tên quy hoạch                                                                                                                                                                                          | Tỷ lệ lập quy hoạch | Diện tích lập quy hoạch (ha) | Ghi chú                                                                                                                                                                        |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | <b>Quy hoạch chung đô thị</b>                                                                                                                                                                          |                     |                              |                                                                                                                                                                                |
| 1   | Quy hoạch chung đô thị Long Thành                                                                                                                                                                      | 1/10.000            | 43.000                       | đang thực hiện                                                                                                                                                                 |
| 2   | Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung đô thị Biên Hòa                                                                                                                                                    | 1/10.000            | 35.196                       |                                                                                                                                                                                |
| 3   | Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung đô thị mới Nhơn Trạch.                                                                                                                                             | 1/10.000            | 37.678                       |                                                                                                                                                                                |
| 4   | Quy hoạch chung đô thị Trảng Bom                                                                                                                                                                       | 1/10.000            | 30.833                       |                                                                                                                                                                                |
| 5   | Quy hoạch chung đô thị mở rộng gồm phường Đồng Xoài, Bình Phước và xã Đồng Phú                                                                                                                         | 1/10.000            | 30.637                       | Đánh giá đạt các tiêu chí tại điểm d khoản 1 Điều 7 Nghị định 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn |
| 6   | Quy hoạch chung đô thị mới Lộc Ninh (có khu vực chồng lấn khu kinh tế cửa khẩu cần phải đáp ứng sự đồng bộ và thống nhất tại khu vực chồng lấn theo khoản 2 Điều 5 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn) | 1/10.000            | 22.473                       |                                                                                                                                                                                |
| 7   | Quy hoạch chung đô thị mới Tân Khai                                                                                                                                                                    | 1/10.000            | 16.179                       |                                                                                                                                                                                |
| 8   | Quy hoạch chung đô thị mới Trị An                                                                                                                                                                      | 1/10.000            | 66.046                       |                                                                                                                                                                                |

| STT | Tên quy hoạch                                                            | Tỷ lệ lập quy hoạch | Diện tích lập quy hoạch (ha) | Ghi chú                                                                                                                                                         |
|-----|--------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 9   | Quy hoạch chung đô thị phường Phước Bình và phường Phước Long            | 1/10.000            | 14.444                       |                                                                                                                                                                 |
| 10  | Quy hoạch chung đô thị mới Phú Riềng                                     | 1/10.000            | 11.737                       |                                                                                                                                                                 |
| 11  | Quy hoạch chung đô thị mới Cẩm Mỹ - Xuân Quế                             | 1/10.000            | 20.605                       |                                                                                                                                                                 |
| 12  | Quy hoạch chung đô thị mở rộng phường Minh Hưng, Chơn Thành, Xã Nha Bích | 1/10.000            | 36.114                       | Tờ trình số 25/TTr-UBND ngày 07/8/2025 của UBND xã Nha Bích                                                                                                     |
|     | <b>Quy hoạch chung xã</b>                                                |                     |                              |                                                                                                                                                                 |
| 1   | Quy hoạch chung xã Xuân Hòa                                              | 1/10.000            | 30.596                       |                                                                                                                                                                 |
| 2   | Quy hoạch chung xã Tân Quan                                              | 1/10.000            | 14.831                       |                                                                                                                                                                 |
| 3   | Quy hoạch chung xã Minh Đức                                              | 1/10.000            | 16.711                       |                                                                                                                                                                 |
| 4   | Quy hoạch chung xã Đồng Tâm                                              | 1/10.000            | 24.878                       |                                                                                                                                                                 |
| 5   | Quy hoạch chung xã Thuận Lợi                                             | 1/10.000            | 16.723                       |                                                                                                                                                                 |
| 6   | Quy hoạch chung xã Lộc Tấn                                               | 1/10.000            | 18.336                       | Có khu vực chồng lấn khu kinh tế cửa khẩu cần phải đáp ứng sự đồng bộ và thống nhất tại khu vực chồng lấn theo khoản Điều 5 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn. |

| STT | Tên quy hoạch                                                                                                                                                   | Tỷ lệ lập quy hoạch | Diện tích lập quy hoạch (ha) | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                        |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 7   | Quy hoạch chung xã Bù Gia Mập đến 2035 đã được duyệt nhiệm vụ quy hoạch, hiện đang lập quy hoạch nhưng chưa được phê duyệt, tiếp tục rà soát phê duyệt năm 2025 | 1/10.000            | 34.251                       |                                                                                                                                                                                                                                |
| 8   | Quy hoạch chung xã Phú Nghĩa                                                                                                                                    | 1/10.000            | 27.940                       |                                                                                                                                                                                                                                |
| 9   | Quy hoạch chung xã Thọ Sơn                                                                                                                                      |                     | 30.769                       |                                                                                                                                                                                                                                |
| 10  | Quy hoạch chung xã Lộc Quang                                                                                                                                    | 1/10.000            | 10.495                       |                                                                                                                                                                                                                                |
| 11  | Quy hoạch chung xã Tân Tiến                                                                                                                                     | 1/10.000            | 14.747                       |                                                                                                                                                                                                                                |
| 12  | Quy hoạch chung xã Đa Kia                                                                                                                                       | 1/10.000            | 19.625                       |                                                                                                                                                                                                                                |
| 13  | Quy hoạch chung xã Đak Nhau                                                                                                                                     | 1/10.000            | 18.247                       |                                                                                                                                                                                                                                |
| 14  | Quy hoạch chung xã Tân Hưng                                                                                                                                     | 1/10.000            | 20.466                       |                                                                                                                                                                                                                                |
| 15  | Xã Lộc Thạnh                                                                                                                                                    |                     | 12.549                       | xã Lộc Thạnh mới nằm hoàn toàn trong phạm vi Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư, do đó không tổ chức lập riêng quy hoạch chung xã Lộc Thạnh theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn. Điều chỉnh quy hoạch |

| STT | Tên quy hoạch                                                                                                    | Tỷ lệ lập quy hoạch | Diện tích lập quy hoạch (ha) | Ghi chú                                                                                                         |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                  |                     |                              | chung Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư phải thể hiện đầy đủ nội dung định hướng phát triển của xã Lộc Thạnh          |
|     | <b>Quy hoạch phân khu</b>                                                                                        |                     |                              |                                                                                                                 |
| 1   | Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phường Phước Tân                                                          | 1/2.000             | 4.283                        | Đã có chủ trương                                                                                                |
| 2   | Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phường Trần Biên                                                          | 1/2.000             | 3.100                        | Đã có chủ trương                                                                                                |
| 3   | Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phường Biên Hòa                                                           | 1/2.000             | 2.150                        | Đã có chủ trương                                                                                                |
| 4   | Lập trước Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phân khu Đại Phước 1 phạm vi động lực theo Nghị quyết 66.1      | 1/2.000             | 3131                         | Đã có chủ trương                                                                                                |
| 5   | Lập trước Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phân khu Phước An 1 phạm vi động lực theo Nghị quyết 66.1       | 1/2.000             | 2400                         | Đã có chủ trương                                                                                                |
| 6   | Lập trước quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phân khu Nhơn Trạch 1 phạm vi động lực theo Nghị quyết 66.1     | 1/2.000             | 1660                         | Đã có chủ trương. Kết quả thẩm định dự toán kinh phí của Sở Xây dựng tại Tờ Trình số 116/TTr-SXD ngày 27/9/2025 |
| 7   | Lập quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị - dịch vụ Long Thành tại xã An Phước                             | 1/2.000             | 2082                         | Đã duyệt nhiệm vụ                                                                                               |
| 8   | Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu tổ hợp đổi mới sáng tạo xã Bình An tổ hợp đổi mới                            | 1/2.000             | 300                          | Đã có chủ trương                                                                                                |
| 9   | Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu Công nghệ thông tin tập trung Long Thành tại xã An phước và Bình An | 1/2.000             | 119,35                       | Đã có chủ trương                                                                                                |

| STT | Tên quy hoạch                                                                                                                             | Tỷ lệ lập quy hoạch | Diện tích lập quy hoạch (ha) | Ghi chú          |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------|------------------|
| 10  | Quy hoạch phân khu 1/2000 khu vực cửa ngõ phía Tây Cảng hàng không quốc tế Long Thành (khoảng 6.483 ha) (tại xã Long Thành và Long Phước) | 1/2.000             | 6.483                        | Đã có chủ trương |
| 11  | Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phạm vi toàn bộ xã Trảng Bom                                                                       | 1/2.000             | 6.877                        |                  |
| 12  | Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phường Trảng Dài                                                                                   | 1/2.000             | 3.729                        |                  |
| 13  | Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phân khu Đại Phước 2                                                                               | 1/2.000             | 3.082,19                     |                  |
| 14  | Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phân khu Đại Phước 3                                                                               | 1/2.000             | 3.587,43                     |                  |
| 15  | Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phân khu Phước An 2                                                                                | 1/2.000             | 3.949,00                     |                  |
| 16  | Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phân khu Phước An 3                                                                                | 1/2.000             | 3.611,00                     |                  |
| 17  | Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phân khu Nhơn Trạch 2                                                                              | 1/2.000             | 5.189                        |                  |
| 18  | Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phân khu Nhơn Trạch 3                                                                              | 1/2.000             | 2.006                        |                  |
| 19  | Quy hoạch phân khu 1/2000 khu đô thị suối Cam. (đang lập quy hoạch)                                                                       | 1/2.000             | 2.080                        |                  |
| 20  | Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị thương mại, dịch vụ Long Thành, tại xã Long Thành                                              | 1/2.000             | 4.753                        |                  |
| 21  | Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu nông nghiệp Công nghệ cao xã Thuận Lợi<br>Địa điểm: Xã Thuận Lợi, tỉnh Đồng Nai                       | 1/2.000             | 1.400                        |                  |

**Lưu ý:** - Tên cụ thể các đồ án quy hoạch, quy mô, phạm vi, ranh giới sẽ được rà soát đánh giá xem xét đề xuất cụ thể khi xây dựng chủ trương và lập nhiệm vụ quy hoạch;



**Phụ lục 2**

**DANH MỤC LẬP QUY HOẠCH CHUNG ĐÔ THỊ- QUY HOẠCH CHUNG XÃ- QUY HOẠCH PHÂN KHU NĂM 2026**

(kèm theo Kế hoạch số 17.1.../KH-UBND ngày 14.. tháng 11 năm 2025)

| TT | Tên quy hoạch                                                                                                | Tỷ lệ lập quy hoạch | Diện tích lập QH (ha) | Ghi chú |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------|---------|
|    | <b>Quy hoạch chung đô thị</b>                                                                                |                     |                       |         |
| 1  | Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung đô thị Long Khánh (mở rộng thêm phạm vi xã Xuân Thiện ) - giai đoạn 2026 | 1/10.000            | 22.417                |         |
| 2  | Quy hoạch chung đô thị mới Tân Phú                                                                           | 1/10.000            | 10.581                |         |
| 3  | Quy hoạch chung đô thị mới Định Quán                                                                         | 1/10.000            | 29.582                |         |
| 4  | Quy hoạch chung đô thị mới Xuân Lộc                                                                          | 1/10.000            | 14.050                |         |
| 5  | Quy hoạch chung đô thị mới Dầu Giây                                                                          | 1/10.000            | 9.887                 |         |
| 6  | Quy hoạch chung đô thị mới Tân Lợi                                                                           | 1/10.000            | 37.978                |         |
| 7  | Quy hoạch chung đô thị mới Thiện Hưng                                                                        | 1/10.000            | 11.097                |         |
| 8  | Quy hoạch chung liên phường phường Bình Long - phường An Lộc                                                 | 1/10.000            | 13.788                |         |
| 9  | Quy hoạch chung đô thị mới Bù Đăng                                                                           | 1/10.000            | 15.614                |         |
|    | <b>Quy hoạch chung xã</b>                                                                                    |                     |                       |         |
| 1  | Quy hoạch chung xã Gia Kiệm                                                                                  | 1/10.000            | 8.272                 |         |
| 2  | Quy hoạch chung xã Thống Nhất                                                                                | 1/10.000            | 12.007                |         |
| 3  | Quy hoạch chung xã Xuân Định                                                                                 | 1/10.000            | 5.229                 |         |

| TT | Tên quy hoạch                   | Tỷ lệ lập quy hoạch | Diện tích lập QH (ha) | Ghi chú |
|----|---------------------------------|---------------------|-----------------------|---------|
| 4  | Quy hoạch chung xã Xuân Phú     | 1/10.000            | 5.563                 |         |
| 5  | Quy hoạch chung xã La Ngà       | 1/10.000            | 13.345                |         |
| 6  | Quy hoạch chung xã Phú Lâm      | 1/10.000            | 6.735                 |         |
| 7  | Quy hoạch chung xã Tân An       | 1/10.000            | 8.024                 |         |
| 8  | Quy hoạch chung xã Sông Ray     | 1/10.000            | 6.560                 |         |
| 9  | Quy hoạch chung xã Xuân Đông    | 1/10.000            | 10.797                |         |
| 10 | Quy hoạch chung xã Thanh Sơn    | 1/10.000            | 31.540                |         |
| 11 | Quy hoạch chung xã Tà Lài       | 1/10.000            | 8.334                 |         |
| 12 | Quy hoạch chung xã Nam Cát Tiên | 1/10.000            | 8.293                 |         |
| 13 | Quy hoạch chung xã Đak Lua      | 1/10.000            | 41.513                |         |
| 14 | Quy hoạch chung xã Phú Lý       | 1/10.000            | 27.900                |         |
| 15 | Quy hoạch chung xã Lộc Thành    | 1/10.000            | 20.610                |         |
| 16 | Quy hoạch chung xã Lộc Hưng     | 1/10.000            | 9.902                 |         |
| 17 | Quy hoạch chung xã Hưng Phước   | 1/10.000            | 18.719                |         |
| 18 | Quy hoạch chung xã Đak Ô        | 1/10.000            | 24.649                |         |

| TT | Tên quy hoạch                                           | Tỷ lệ lập quy hoạch | Diện tích lập QH (ha) | Ghi chú |
|----|---------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------|---------|
| 19 | Quy hoạch chung xã Phú Trung                            | 1/10.000            | 17.203                |         |
| 20 | Quy hoạch chung xã Nghĩa Trung                          | 1/10.000            | 22.204                |         |
| 21 | Quy hoạch chung xã Phước Sơn                            |                     | 38.656                |         |
| 22 | Quy hoạch chung xã Bom Bo                               | 1/10.000            | 24.587                |         |
| 23 | Quy hoạch chung xã Xuân Thành                           | 1/10.000            | 12.271                |         |
| 24 | Quy hoạch chung xã Xuân Bắc                             | 1/10.000            | 9.644                 |         |
| 25 | Quy hoạch chung xã Phú Vinh                             | 1/10.000            | 6.945                 |         |
| 26 | Quy hoạch chung xã Phú Hòa                              | 1/10.000            | 6.153                 |         |
| 27 | Quy hoạch chung xã Long Hà                              | 1/10.000            | 16.838                |         |
| 28 | Quy hoạch chung xã Phước Sơn                            | 1/10.000            | 38.656                |         |
| 29 | Quy hoạch chung xã Bình Tân                             | 1/10.000            | 19.089                |         |
|    | <b>Quy hoạch phân khu</b>                               |                     |                       |         |
| 1  | Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phường Long Hưng | 1/2.000             | 3.240                 |         |
| 2  | Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phường Tam Hiệp  | 1/2.000             | 1.080                 |         |
| 3  | Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phường Tam Phước | 1/2.000             | 4.509                 |         |

| TT | Tên quy hoạch                                                                                                                                                                                                           | Tỷ lệ lập quy hoạch | Diện tích lập QH (ha) | Ghi chú                                          |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------|--------------------------------------------------|
| 4  | Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phường Long Bình                                                                                                                                                                 | 1/2.000             | 4.491                 |                                                  |
| 5  | Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 dự án sân gôn kết hợp khu đô thị, dịch vụ du lịch và nghỉ dưỡng tại xã Nha Bích                                                                                                         | 1/2.000             | 177,64                | Đã có chủ trương và phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch |
| 6  | Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phường Hồ Nai                                                                                                                                                                    | 1/2.000             | 2.285                 |                                                  |
| 7  | Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phường Tân Triều                                                                                                                                                                 | 1/2.000             | 6.332                 |                                                  |
| 8  | Điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phường Bình Lộc (mở rộng thêm phạm vi xã Xuân Thiện) giai đoạn thực hiện duyệt sau khi điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung đô thị Long Khánh được duyệt               | 1/2.000             | 7.721,00              |                                                  |
| 9  | Quy hoạch phân khu Phước An 4 không lập do là phạm vi rừng ngập mặn (chỉ lập quy hoạch phân khu 1/2000 trong phạm vi ranh giới Khu di tích Bia Tưởng Niệm Trung Đoàn 10 Đặc Công Rừng Sác đã được Bộ Văn hóa công nhận) | 1/2.000             | 396,00                |                                                  |
| 10 | Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phạm vi toàn bộ xã Xuân Đường                                                                                                                                                    | 1/2.000             | 8.211                 |                                                  |
| 11 | Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phạm vi diện tích còn lại xã an Phước                                                                                                                                            | 1/2.000             | 3.750                 |                                                  |
| 12 | Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phạm vi diện tích còn lại xã Bình An                                                                                                                                             | 1/2.000             | 5.641                 |                                                  |
| 13 | Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 xã Phước Thái                                                                                                                                                                           | 1/2.000             | 8.586                 |                                                  |
| 14 | Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu vực còn lại xã Long Phước                                                                                                                                                           | 1/2.000             | 4.435                 |                                                  |
| 15 | Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phạm vi diện tích còn lại (diện tích xã Long Thành mới trừ diện tích xã Long An cũ)                                                                                              | 1/2.000             | 5.273                 |                                                  |
| 16 | Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phạm vi toàn bộ xã An Viễn                                                                                                                                                       | 1/2.000             | 4.774                 |                                                  |
| 17 | Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phạm vi toàn bộ xã Bình Minh                                                                                                                                                     | 1/2.000             | 3.668                 |                                                  |

| TT | Tên quy hoạch                                                        | Tỷ lệ lập quy hoạch | Diện tích lập QH (ha) | Ghi chú |
|----|----------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------|---------|
| 18 | Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phạm vi toàn bộ xã Bàu Hàm    | 1/2.000             | 9.750                 |         |
| 19 | Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phạm vi toàn bộ xã Hưng Thịnh | 1/2.000             | 5.764                 |         |